

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **54/2019/DS-ST**

Ngày: 26 - 11 - 2019

*“V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
góp hụi”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tới

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Thành Bê

2. Bà Nguyễn Thị Tiến Nhanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đông Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 33/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2018 về việc tranh chấp “Hợp đồng dân sự góp hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2018/QĐXXST- DS ngày 29 tháng 11 năm 2018, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 10/2018/TBTĐTGMPPT ngày 24 tháng 12 năm 2018, quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 01/2019/QĐST - DS ngày 09/01/2019, thông báo mở phiên tòa số: 14/2019/TBMPT ngày 15 tháng 10 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số: 90/2019/QĐST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: - Chị Trần Thị D (G), sinh năm 1970 (*có mặt*)

- Chị Dương Lệ Ph, sinh năm 1982 (*vắng mặt*)

- Anh Nguyễn Việt H, sinh năm 1990 (*vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: ấp M C, xã V Kh Đ, huyện A M, tỉnh Kiên Giang.

- Anh Phạm Văn P, sinh năm 1985 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: ấp M G, xã V Kh Đ, huyện A M, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: - Bà Nguyễn Thị Mỹ L (Nguyễn Mỹ L), sinh năm 1989 (*có mặt*)

- Anh Lê Quốc Cg (Lê Văn C), sinh năm 1991 (*có mặt*)

Cùng địa chỉ: ấp M C, xã V Kh Đ, huyện A M, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 14/11/2017, 13/12/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/01/2018 nguyên đơn chị Trần Thị D (G) trình bày và yêu cầu như sau:***

Từ trước đến nay vợ chồng chị L, anh C sinh sống tại địa phương (ấp M C, xã V Kh Đ, huyện A M, tỉnh Kiên Giang), chị L, anh C có tổ chức làm chủ hội, chị D có tham gia góp hội, gồm các dây hội như sau:

Dây hội ngày áp ngày 17/5/2017 âl, gồm 135 phần, hội 100.000 đồng, chị D tham gia 05 phần và chị D đã lĩnh hội 02 phần, còn lại 03 phần chưa lĩnh. Ngày 13/8/2017 chị L dừng hội và bỏ địa phương đi hơn 30 ngày thì quay trở về địa phương nhưng không thương lượng với ai. Trừ 03 phần hội sống qua 02 phần hội chết, chị L còn nợ chị D 28.000.000 đồng.

Dây hội ngày áp ngày 25/5/2017 âl, gồm 80 phần, hội 100.000 đồng, chị D tham gia 04 phần và chị D góp hội được 14 lần. Ngày 13/8/2017 chị L dừng hội và bỏ địa phương đi hơn 30 ngày thì quay trở về địa phương nhưng không thương lượng với ai, 04 phần hội này, chị L còn nợ chị D 5.600.000 đồng.

Dây hội ngày áp ngày 02/6/2017 âl, gồm 90 phần, hội 100.000 đồng, chị D tham gia 05 phần và chị D góp hội được 10 lần, chị D có kêu và lĩnh hội nhưng chị L không giao hội. Ngày 13/8/2017 chị L dừng hội và bỏ địa phương đi hơn 30 ngày thì quay trở về địa phương nhưng không thương lượng với ai, 05 phần hội này, chị L còn nợ chị D 5.000.000 đồng.

Tổng cộng ba dây hội, chị L và anh C nợ chị D 38.600.000 đồng, 03 dây hội nêu trên chị L không giao danh sách những người tham gia góp hội cho chị. Chị D yêu cầu chị L và anh C trả cho chị D 38.600.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

**** Theo đơn khởi kiện ngày 13/12/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/01/2018 nguyên đơn chị Dương Lệ Ph trình bày và yêu cầu như sau:***

Ngày 17/5/2017 âl chị L, anh C mở dây hội ngày, gồm 135 phần, hội 100.000 đồng, chị Ph tham gia 04 phần. Chị L, anh C không giao danh sách những người tham gia góp hội cho chị Ph, chị Ph góp hội được 113 lần, đến ngày 13/8/2017 chị L dừng hội và bỏ địa phương đi hơn 30 ngày thì quay trở về địa phương nhưng không thương lượng với ai. Chị Ph yêu cầu chị L, anh C trả cho chị Ph 45.200.000 đồng.

**** Theo đơn khởi kiện ngày 13/12/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/01/2018 nguyên đơn anh Phạm Văn P trình bày và yêu cầu như sau:***

Ngày 17/5/2017 âl chị L, anh C mở dây hội ngày, gồm 135 phần, hội 100.000 đồng, anh P tham gia 05 phần. Chị L, anh C không giao danh sách những người tham gia góp hội cho anh P, anh P đã lĩnh hội hết 02 phần, còn lại 03 lần anh P góp được 110 lần, đến ngày 13/8/2017 chị L dừng hội và bỏ địa phương đi hơn 30 ngày thì quay trở về địa phương nhưng không thương lượng với ai. Đối trừ 02 phần hội chết với 03 phần hội sống, chị L còn nợ anh P 28.000.000 đồng.

Ngày 02/6/2017 âl chị L, anh C mở dây hội ngày, gồm 90 phần, hội 100.000 đồng, anh P tham gia 01 phần và anh P góp hội được 12 lần. Ngày 13/8/2017 chị L dừng hội và bỏ địa phương đi hơn 30 ngày thì quay trở về địa phương nhưng không thương lượng với ai, phần hội này, chị L còn nợ anh P 1.200.000 đồng.

Tổng cộng hai dây hội, chị L và anh C nợ anh P 29.200.000 đồng. Anh P yêu cầu chị L và anh C trả cho anh P 29.200.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện ngày 13/12/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/01/2018 nguyên đơn anh Nguyễn Việt H trình bày và yêu cầu như sau:

Ngày 17/5/2017 âl chị L, anh C mở dây hội ngày, gồm 135 phần, hội 100.000 đồng, anh H tham gia 10 phần. Chị L, anh C không giao danh sách những người tham gia góp hội cho anh H, anh H đã lĩnh hội hết 02 phần, còn lại 08 lần anh H góp được 113 lần, đến ngày 13/8/2017 chị L dừng hội và bỏ địa phương đi hơn 30 ngày thì quay trở về địa phương nhưng không thương lượng với ai. Đối trừ 02 phần hội chết với 08 phần hội sống, chị L và anh C còn nợ anh H 86.000.000 đồng. Anh H yêu cầu chị L và anh C trả cho anh H 86.000.000 đồng.

**** Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 17/8/2018 bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L (Nguyễn Mỹ L), anh Lê Quốc C (Lê Văn C) trình bày như sau:***

Vào khoảng năm 2013 hoặc 2014 chị L có mở một dây hội và làm chủ, anh C không có tham gia làm chủ hội cùng chị L. Chị L làm chủ hội khoảng 01 năm thì nghỉ làm, chị L mở dây hội 20.000 đồng/ngày, ngoài ra không có mở dây hội nào khác. Năm 2017 chị L, anh C không mở dây hội nào và không đứng ra làm chủ dây hội. Từ trước đến nay anh Nguyễn Việt H, chị Trần Thị D, chị Dương Lệ Ph, anh Phạm Văn P không tham gia góp hội do vợ chồng chị L, anh C làm chủ hội.

Theo yêu cầu của anh H, chị D, chị Ph, anh P, chị L, anh C có ý kiến như sau: Không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của anh H, chị D, chị Ph, anh P. Vì năm

2017 chị L, anh C không làm chủ hội và anh H, chị D, chị Ph, anh P không tham gia góp hội.

*** *Tại phiên tòa:***

- Nguyên đơn chị Trần Thị D và bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L (Nguyễn Mỹ L), anh Lê Quốc C (Lê Văn C) giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu.

- Nguyên đơn anh Nguyễn Việt H, chị Dương Lệ Ph, anh Phạm Văn P vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

- Kiểm sát viên phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn chị Trần Thị D thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn anh Phạm Văn P, anh Nguyễn Việt H, chị Dương Lệ Ph chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể: Bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L (Nguyễn Mỹ L), anh Lê Quốc C (Lê Văn C) không có mặt theo các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị D; Đình chỉ yêu cầu của anh Nguyễn Việt H, chị Dương Lệ Ph, anh Phạm Văn P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải) nhưng bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L (Nguyễn Mỹ L), anh Lê Quốc C (Lê Văn C) đều vắng mặt không lý do, nên được xác định đây thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ (lấy lời khai người làm chứng) nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa và đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa, tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị tạm ngừng phiên tòa để thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ, Tòa án quyết định tạm ngừng phiên, ngày 15 tháng 10 năm 2019 thông báo mở phiên tòa và tổng đạt hợp lệ cho các đương sự nhưng các nguyên đơn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử

quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự và đã tổng đạt hệ lệ quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự nhưng nguyên đơn anh Nguyễn Việt H, chị Dương Lệ Ph, anh Phạm Văn P vẫn vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Việt H, chị Dương Lệ Ph, anh Phạm Văn P theo quy định tại điểm a khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở chứng cứ có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định mối quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dân sự góp hội.

[3] Về nội dung tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn cho rằng năm 2017 chị L, anh C mở hội và nguyên đơn có tham gia góp hội một thời gian thì chị L, anh C ngưng hội và rời khỏi địa phương, sau đó quay trở về nơi cư trú sinh sống, bị đơn không thừa nhận có mở hội vào năm 2017 và nguyên đơn không tham gia góp hội.

Xét thấy, khi Tòa án nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án có yêu cầu nguyên đơn bổ sung danh sách của những người tham gia góp hội, nguyên đơn xác định là chủ hội không giao danh sách hội cho các hội viên. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập chứng cứ lấy lời khai những người tham gia góp hội chung với nguyên đơn, những hội viên này xác định nguyên đơn có tham gia góp hội chung nhưng không xác định được bị đơn nợ nguyên đơn bao nhiêu tiền; Tòa án đã thông báo cho nguyên đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh là bị đơn có nợ tiền hội theo yêu cầu của nguyên đơn nhưng nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để Tòa án xem xét. Hội đồng xét xử xác định nguyên đơn có tham gia góp hội do bị đơn làm chủ hội, nhưng không có cơ sở để xác định bị đơn còn nợ hội đối với nguyên đơn. Do đó, lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6, khoản 2 Điều 30 của Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hội, họ, biểu, phường. Bác yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Thị D.

Nguyên đơn anh Nguyễn Việt H, anh Phạm Văn P, chị Dương Lệ Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Việt H, chị Dương Lệ Ph, anh Phạm Văn P.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị D khởi kiện không được Tòa án chấp nhận yêu cầu nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 1.930.000 đồng (38.600.000đ x 5%), được trừ vào 965.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm, theo lai thu số 0008650 ngày 05/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh.

Sung vào công quỹ nhà nước 2.408.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm anh Nguyễn Việt H đã nộp, theo lai thu số 0008648 ngày 05/3/2018; 730.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm anh Phạm Văn P đã nộp, theo lai thu số 0008649 ngày 05/3/2018; 1.130.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị Dương Lệ Ph đã nộp, theo lai thu số 0008652 ngày 05/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh.

Chị Nguyễn Thị Mỹ L, anh Lê Quốc C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 218, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6, khoản 2 Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hội, họ, biểu, phường.

Tuyên xử:

- Bác yêu cầu của chị Trần Thị Deo đối với chị Nguyễn Thị Mỹ Loan, anh Lê Quốc Cường về việc tranh chấp hợp đồng dân sự góp hội.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Việt H, chị Dương Lệ Ph, anh Phạm Văn P đối với chị Nguyễn Thị Mỹ L, anh Lê Quốc C về việc tranh chấp hợp đồng dân sự góp hội.

Anh Nguyễn Việt H, chị Dương Lệ Ph, anh Phạm Văn P có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 3 Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Buộc chị Trần Thị D chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.930.000 đồng, được trừ vào 965.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm, theo lai thu số 0008650 ngày 05/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh, chị D còn phải nộp thêm 965.000 đồng;

Chị Nguyễn Thị Mỹ L, anh Lê Quốc C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Sung vào công quỹ nhà nước 2.408.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm anh Nguyễn Việt H đã nộp, theo lai thu số 0008648 ngày 05/3/2018; 730.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm anh Phạm Văn P đã nộp, theo lai thu số 0008649 ngày 05/3/2018; 1.130.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị

Dương Lê Ph đã nộp, theo lai thu số 0008652 ngày 05/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh.

- Báo quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trần Thị D, bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L, anh Lê Quốc C có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Việt H, anh Phạm Văn P, chị Dương Lê Ph vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

- Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KG;
- VKSND huyện AM
- Chi cục THADS huyện AM;
- Các đương sự;
- Lưu: HSYA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Tới

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA